



Tiêu chuẩn các bon trên thị trường tự nguyện

So sánh và phương thức lựa chọn tiêu
chuẩn phù hợp cho từng loại hình dự án

Phạm Thu Thủy
Nguyễn Đức Tú
Nguyễn Thị Thủy Anh
Nguyễn Thị Vân Anh
Trần Phương Mai
Nguyễn Đình Yên Khuê

Tiêu chuẩn các bon trên thị trường tự nguyện

So sánh và phương thức lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp cho từng loại hình dự án

Phạm Thu Thủy

Đại học Flinders;
CIFOR-ICRAF

Nguyễn Đức Tú

Đại học Adelaide;
CIFOR-ICRAF

Nguyễn Thị Thủy Anh

CIFOR-ICRAF

Nguyễn Thị Vân Anh

CIFOR-ICRAF

Trần Phương Mai

CIFOR-ICRAF

Nguyễn Đình Yên Khuê

CIFOR-ICRAF

Báo cáo kỹ thuật 39

© 2024 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009321

Phạm TT, Nguyễn ĐT, Nguyễn TTA, Nguyễn TVA, Trần PM, Nguyễn ĐYK. 2024. *Tiêu chuẩn các bon trên thị trường tự nguyện: So sánh và phương thức lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp cho từng loại hình dự án*. Báo cáo kỹ thuật 39. Bogor, Indonesia: CIFOR; Nairobi, Kenya: ICRAF.

CIFOR
Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia
T +62 (251) 8622622
F +62 (251) 8622100
E cifor@cifor-icraf.org

ICRAF
United Nations Avenue, Gigiri
PO Box 30677, Nairobi, 00100
Kenya
T +254 (20) 7224000
F +254 (20) 7224001
E worldagroforestry@cifor-icraf.org

cifor-icraf.org

Tất cả các thiết kế về hình ảnh và tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của CIFOR-ICRAF, các đối tác hay các nhà tài trợ về các quy định hiện hành của quốc gia.

Mục lục

Lời cảm ơn	v
1 Mở đầu	1
2 Sử dụng các tiêu chuẩn các bon có sẵn trên thị trường hay xây dựng tiêu chuẩn các bon mới ?	2
2.1 Sử dụng các tiêu chuẩn các bon đã có sẵn và được sử dụng rộng rãi trên thị trường	2
2.2 Xây dựng các tiêu chuẩn mới	4
2.3 Các lĩnh vực ngành nghề và loại hình dự án mà các tiêu chuẩn các bon hướng tới	5
3 Giấy chứng nhận bổ sung ban hành bởi các tiêu chuẩn các bon để minh chứng cho chất lượng của các tín chỉ các bon	8
4 Tiêu chí lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp	9
4.1 Các yếu tố cần cân nhắc khi lựa chọn tiêu chuẩn và phương pháp theo dõi các bon	9
4.2 So sánh giữa các tiêu chuẩn các bon về số lượng phát hành ở Việt Nam, thời gian tiến hành đăng kí, chi phí đăng kí và khả năng truy hồi sử dụng các bon trước khi dự án bắt đầu	10
5 Lựa chọn phương pháp phù hợp	14
6 Cân nhắc lựa chọn tiêu chuẩn các bon dựa trên chi phí đăng kí và cấp tín chỉ các bon	20
7 Mối liên hệ giữa các tiêu chuẩn các bon tự nguyện do các tổ chức phát triển và tiêu chuẩn các bon bắt buộc do Chính phủ xây dựng	22
8 Kết luận	23
Tài liệu tham khảo	24

Danh mục hình và bảng

Hình

1	Thị phần mà các tiêu chuẩn các bon nắm giữ	4
2	Quy trình xác định phương pháp phù hợp nhất	19

Bảng

1	Định nghĩa về tiêu chuẩn các bon và phương pháp theo dõi các bon	1
2	Các tiêu chuẩn các bon cho thị trường các bon bắt buộc và thị trường các bon tự nguyện	2
3	So sánh tổng quan về các tiêu chuẩn các bon trên thị trường tự nguyện	2
4	Các tiêu chuẩn các bon chính trên thị trường tự nguyện và số lượng dự án các bon	3
5	Lĩnh vực hoạt động của các tiêu chuẩn các bon	5
6	Các yếu tố cần cân nhắc khi xem xét để lựa chọn tiêu chuẩn các bon và phương pháp các bon phù hợp	9
7	So sánh giữa các tiêu chuẩn các bon về số lượng phát hành, thời gian và chi phí để đăng kí cũng như khả năng truy hồi tín chỉ các bon.	10
8	So sánh về điểm mạnh và điểm yếu của một số tiêu chuẩn các bon	11
9	Các phương pháp được cấp phép thực hiện bởi tiêu chuẩn các bon VERRA, Gold Standard và Plan Vivo	14
10	Một số chi phí để đăng kí và cấp tín chỉ các bon	20

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn UBS, trường Đại học Flinders – Australia, Chương trình nghiên cứu Hệ thống phát triển lương thực thực phẩm phát thải thấp (MITIGATE+) và Global Affairs Canada đã hỗ trợ tài chính để chúng tôi có thể thực hiện báo cáo này.

1 Mở đầu

Các tiêu chuẩn các bon đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các quy tắc và điều kiện mà tất cả các dự án thương mại các bon phải đáp ứng để được công nhận là đã giảm được lượng khí thải CO₂. Lượng khí thải CO₂ giảm được của các dự án cần được kiểm soát và đo lường bởi các phương pháp theo dõi và giám sát các bon trong suốt vòng đời của dự án. Cụ thể hơn, các tiêu chuẩn các bon: (i) đưa ra các định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật mà dự án các bon phải thực hiện; (ii) đưa ra các phương pháp xác định và thẩm định giảm phát thải; (iii) xây dựng quy trình để các bên thứ 3 thẩm định kết quả giảm phát thải; và (iv) đăng kí kết quả giảm phát thải đã được thẩm định và xác nhận trên hệ thống đăng kí. Việc hiểu được các tiêu chuẩn và phương pháp theo dõi các bon là bước đầu dẫn đến sự thành công của một dự án các bon (Bảng 1).

Các tiêu chuẩn các bon định hướng cho các hoạt động dự án các bon để đảm bảo rằng các hoạt động này có thể thực sự tạo ra kết quả giảm phát thải. Nếu một bên phát triển dự án muốn thực hiện một dự án các bon, họ cần xây dựng một văn kiện dự án (PDD) (*có thể được hiểu gần giống như một bản kế hoạch phát triển kinh doanh*) - theo một phương pháp cụ thể mà một tiêu chuẩn các bon cụ thể quy định. Đây là điều kiện đầu tiên để dự án có thể đăng kí vào hệ thống của tiêu chuẩn các bon.

Các tiêu chuẩn các bon giúp tạo niềm tin cho Chính phủ và doanh nghiệp tham gia vào thị trường các bon vì các sản phẩm tín chỉ tạo ra sẽ đáp ứng quy chuẩn và đảm bảo chất lượng. Các tiêu chuẩn này cũng xây dựng nền tảng số liệu và quản lí biến động của thị trường các bon đồng thời đảm bảo tính minh bạch trong việc chia sẻ thông tin liên quan đến các giao dịch tín chỉ các bon.

Mỗi tiêu chuẩn các bon sẽ quy định phương pháp mà dự án sẽ được đăng kí. Một phương pháp sẽ xác định các yếu tố cơ bản và quan trọng của một dự án bao gồm: tiêu chuẩn thiết kế dự án, các yêu cầu chi tiết về kế hoạch theo dõi, quy trình chi tiết về thẩm định và xác nhận kết quả giảm phát thải, phương pháp đánh giá tính khả thi, các thách thức và rào cản về thời gian và địa lí, v.v (Climate Partner 2023).

Việc lựa chọn tiêu chuẩn và phương pháp các bon sẽ mang tính quyết định cho sự thành công của một dự án các bon. Hiện nay có ít nhất là 30 tiêu chuẩn các bon đang được sử dụng trên thị trường (UCR 2023). Điều này dẫn đến những khó khăn cho cả bên phát triển dự án và các bên có liên quan trong việc lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp nhất với dự án và có thể giúp dự án đạt được giá bán cao.

Báo cáo này được xây dựng để giúp các bên có liên quan có các thông tin cập nhật về các tiêu chuẩn các bon hiện có, phân tích các điểm mạnh và điểm yếu của mỗi phương pháp và đưa ra các khung phân tích so sánh để lựa chọn các tiêu chuẩn các bon phù hợp với mục tiêu phát triển dự án, năng lực kỹ thuật và tài chính của các bên. Báo cáo được dựa trên kết quả rà soát tài liệu thứ cấp và dựa trên kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực thị trường các bon.

Mặc dù thế giới đang có cả tiêu chuẩn các bon cho thị trường bắt buộc và thị trường tự nguyện, báo cáo này chỉ tập trung vào rà soát và phân tích các tiêu chuẩn các bon cho thị trường tự nguyện. Đối với các phân tích về tiêu chuẩn các bon cho thị trường bắt buộc, nhóm tác giả sẽ phân tích kĩ hơn ở một báo cáo khác.

Bảng 1. Định nghĩa về tiêu chuẩn các bon và phương pháp theo dõi các bon

Định nghĩa	
Tiêu chuẩn các bon	Là một tập hợp các nguyên tắc, quy trình và phương pháp theo dõi các bon được phê duyệt mà các chương trình và dự án muốn được cấp chứng chỉ các bon buộc phải tuân theo.
Phương pháp theo dõi và giám sát các bon	Là một tập hợp các thông số, tiêu chí và hoạt động cần thiết để tính toán mức giảm phát thải từ một dự án các bon trong suốt vòng đời của nó

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya 2024.

2 Sử dụng các tiêu chuẩn các bon có sẵn trên thị trường hay xây dựng tiêu chuẩn các bon mới ?

Trên thị trường hiện đang có nhiều tiêu chuẩn các bon, áp dụng cho cả thị trường bắt buộc và thị trường tự nguyện (Bảng 2 và Bảng 3). Khi cân nhắc đến các tiêu chuẩn các bon, bên phát triển dự án hay bên muốn bán tín chỉ các bon có thể xem xét một trong hai lựa chọn:

- Lựa chọn 1.** Sử dụng các tiêu chuẩn các bon đã có sẵn và đang được sử dụng trên thị trường
- Lựa chọn 2.** Xây dựng các tiêu chuẩn mới và xin cấp phép thông qua trong trường hợp các tiêu chuẩn các bon hiện nay không đáp ứng được nhu cầu của dự án

2.1 Sử dụng các tiêu chuẩn các bon đã có sẵn và được sử dụng rộng rãi trên thị trường

Bảng 2, Bảng 3 và Bảng 4 trình bày các tiêu chuẩn đang có sẵn và được sử dụng rộng rãi trên thị trường các bon hiện nay.

Bảng 2. Các tiêu chuẩn các bon cho thị trường các bon bắt buộc và thị trường các bon tự nguyện

Tiêu chuẩn các bon cho thị trường bắt buộc	Tiêu chuẩn các bon cho thị trường tự nguyện
<ul style="list-style-type: none"> CDM được vận hành theo UNFCCC, trước khi hết hạn. CDM đang được thay thế bằng cơ chế Điều 6.4 trong thỏa thuận Paris và không còn chấp nhận các dự án mới hay cấp tín dụng mới nữa. Tiêu chuẩn các bon theo thị trường bắt buộc của Hàn Quốc 	<ul style="list-style-type: none"> VCS – VERRA Gold Standard Plan Vivo Tiêu chuẩn Climate Action Reserve (CAR) và tiêu chuẩn American Carbon Registry (ACR), chủ yếu chỉ dành cho các dự án ở khu vực Bắc Mỹ.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya 2024.

Bảng 3. So sánh tổng quan về các tiêu chuẩn các bon trên thị trường tự nguyện

Tiêu chuẩn	Quy mô thị trường	Tên tín chỉ (Đại diện cho 1 tCO ₂ e)	Phạm vi địa lý	Phạm vi ngành
VERRA - Tiêu chuẩn Các bon đã được xác minh (VCS)	746 triệu tín chỉ, chiếm 70.44% thị trường các bon	Đơn vị Các bon đã được xác minh (VCU)	1,792 dự án đã đăng ký tại 82 quốc gia. VCS chiếm ưu thế ở các nước đang phát triển.	Bao gồm tất cả các lĩnh vực
Gold Standard – Tiêu chuẩn vàng (GS)	184 triệu tín chỉ, chiếm 17.37% thị trường các bon	Đơn vị giảm phát thải đã được xác minh (VER)	1,313 dự án đã đăng ký tại 80 quốc gia. Tín dụng được mua nhiều tại Liên minh Châu Âu.	Bao gồm hầu hết các lĩnh vực, nhưng không bao gồm dự án REDD+. Sau năm 2025, sẽ chỉ bao gồm các khoản tín dụng được hỗ trợ bởi các điều chỉnh tương ứng.
American Carbon Registry (ACR)	63 triệu tín chỉ, chiếm 5.95% thị trường các bon	Tấn khí giảm phát thải (ERT)	156 dự án ở Hoa Kỳ	Bao gồm các quy trình công nghiệp; sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất và lâm nghiệp; thu giữ các bon; chất thải.

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 3. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn	Quy mô thị trường	Tên tín chỉ (Đại diện cho 1 tCO ₂ e)	Phạm vi địa lý	Phạm vi ngành
Climate Action Reserve (CAR)	66 triệu tín chỉ, chiếm 6.23% thị trường các bon	Tấn dự trữ khí hậu (CRT)	26 dự án tại Hoa Kỳ. CAR đóng vai trò là Cơ quan đăng ký dự án bù trừ cho Chương trình giới hạn và giao dịch khí thải của California và cũng đang vận hành Hệ thống giao dịch khí thải thí điểm tại Mexico từ năm 2020-2023.	Bao gồm nông nghiệp và lâm nghiệp; năng lượng; chất thải; và giảm thiểu khí nhà kính không phải CO ₂ .

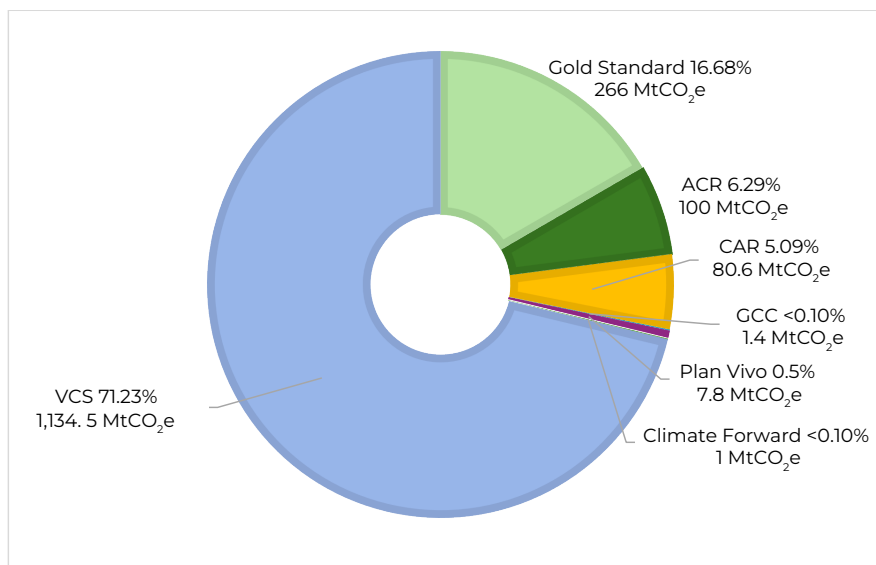
Nguồn: Streck và cộng sự 2021.

Bảng 4. Các tiêu chuẩn các bon chính trên thị trường tự nguyện và số lượng dự án các bon

STT	Tiêu chuẩn các bon	Số lượng dự án đăng kí
1	<u>Clean Development Mechanism (CDM)</u>	8235
2	<u>Verified Carbon Standard (VCS)</u>	Khoảng > 2,000
3	<u>Gold Standard</u>	Khoảng > 2,000
4	<u>Emission Reduction Fund</u>	Khoảng > 1,000
5	<u>Climate Action Reserve</u>	690
6	<u>Label Bas Carbone</u>	575
7	<u>American Carbon Registry</u>	558
8	<u>Woodland Carbon CO₂e</u>	451
9	<u>Universal Carbon Registry</u>	373
10	<u>J-credits</u>	235
11	<u>CERCABONO- Certify Carbon Standard</u>	151
12	<u>EBC</u>	100
13	<u>CITY FOREST CREDIT</u>	47
14	<u>CSA Group</u>	46
15	<u>PEATLAND CODE</u>	32
16	<u>British Columbia</u>	31
17	<u>Plan Vivo</u>	28
18	<u>BioCarbon Registry</u>	26
19	<u>Artisan C-sink</u>	20
20	<u>ART-TREE</u>	18
21	<u>MOORE FUTURES</u>	18
22	<u>HEMP Carbon Standard</u>	16
23	<u>Credible Carbon</u>	13
24	<u>Social Carbon</u>	3
25	<u>Nature Capital Credits (Nfs)</u>	3
26	<u>Forest Carbon Partnership Facility (FCPF)</u>	3
27	<u>OxCarbon</u>	2
28	<u>Wider Carbon (Native Habitat and Natural Solution)</u>	2
29	<u>REDDPlus</u>	1
30	<u>PEATLAND PROTOCOL</u>	1

Nguồn: UCR 2023.

Lưu ý: Hiện nay đang có rất nhiều phương pháp mới đang được xây dựng do vậy số liệu này cần phải được cập nhật thường xuyên.



Hình 1. Thị phần mà các tiêu chuẩn các bon nắm giữ

Nguồn: Streck và cộng sự 2021.

Có thể thấy ngoài một số lượng lớn các tiêu chuẩn các bon đang được vận hành trên thị trường, có rất nhiều tiêu chuẩn các bon mới đang được xây dựng. Điều này có nghĩa rằng các bên liên quan có nhiều lựa chọn tại thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai khi các tiêu chuẩn các bon mới được hình thành. Xu thế hiện nay của nhiều bên phát triển dự án là áp dụng một trong mười tiêu chuẩn các bon đang có số lượng dự án đăng ký cao nhất, bởi vì các hệ thống này đã được thị trường chấp nhận và hệ thống đã vận hành được một thời gian. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn các bon được đăng ký nhiều không có nghĩa rằng chất lượng và giá bán của các tiêu chuẩn này cao hơn so với các tiêu chuẩn mới và có số lượng dự án đăng ký ít hơn. Điều quan trọng mà các bên phát triển dự án các bon cần làm là nghiên cứu kỹ lưỡng mục tiêu, tiềm năng và năng lực của các bên để lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp.

2.2 Xây dựng các tiêu chuẩn mới

Nếu các doanh nghiệp không tìm được các phương pháp phù hợp cho các hoạt động giảm phát thải của mình, các doanh nghiệp có thể làm việc với các doanh nghiệp khác để xây dựng các phương pháp phù hợp với dự án mà các doanh nghiệp hay các nhà phát triển dự án muốn xây dựng. Tuy nhiên cần lưu ý rằng quá trình xin cấp phép chứng nhận cho các phương pháp mới này có thể rất mất thời gian (trong thực tế có thể mất tới vài năm để thông qua).

Theo Hamerkop (2023), hiện nay nhu cầu xây dựng các tiêu chuẩn mới ngày càng gia tăng bởi các lý do sau:

- Các ngành và lĩnh vực khác nhau cần các phương pháp tính toán cụ thể, để sử dụng và dựa trên các hệ số phát thải đã xác định. Đây cũng chính là lý do mà các tổ chức như Woodland Carbon CO2e, Moor Futures, và Ngân hàng Thế giới xây dựng các tiêu chuẩn cho lĩnh vực lâm nghiệp.
- Nhu cầu về các cơ chế phù hợp với các đặc điểm đặc thù của bối cảnh cụ thể. Không phải ai cũng biết sử dụng tiếng Anh, chính vì vậy có nhiều tiêu chuẩn đã được xây dựng để phù hợp với đối tượng người dùng sử dụng ngôn ngữ khác, cụ thể như Label Bas Carbone là một tiêu chuẩn xây dựng cho các quốc gia và người dùng nói tiếng Pháp cho lĩnh vực nông nghiệp, giao thông và lâm nghiệp, hay như cơ chế J-credits scheme cho Nhật Bản.
- Nhu cầu về đơn giản hóa, phù hợp với mục đích của quốc gia trong việc giảm thải. Ví dụ như tiêu chuẩn ART TREES cung cấp khung hỗ trợ các quốc gia thực hiện chương trình REDD+ hay như Tiêu chuẩn các bon của Australia được thiết kế để đạt mục tiêu chuyển đổi sang phát thải bằng không vào năm 2050 của quốc gia này.
- Nhu cầu về giảm chi phí và nhân lực trong quá trình đăng ký, xây dựng và thẩm định dự án.

Ngoài ra, do các đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường về chất lượng của tín chỉ các bon, việc xây dựng các tiêu chuẩn mới nâng cao hơn cho thấy chất lượng tín chỉ các bon ngày càng được ưa chuộng. Theo Harmerkop (2023), các tiêu chuẩn các bon mới được xây dựng có các xu hướng sau:

- Xây dựng nguyên tắc và quy định ban hành tín chỉ các bon (giống như các tiêu chuẩn hiện có)
- Thúc đẩy thị trường và các biện pháp giảm phát thải mà không cần có sự tham gia của bên thứ ba thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật và sử dụng khoa học công nghệ
- Phê duyệt các hoạt động giảm phát thải và ban hành tín chỉ các bon (như các tiêu chuẩn hiện có)
- Cung cấp các dịch vụ tìm nguồn tài chính hỗ trợ và gắn kết người mua với người bán
- Hướng tới các mô hình quy mô nhỏ, có khả năng ứng dụng rộng rãi với các kết quả giảm phát thải có thể nhân rộng trong lĩnh vực:
 - Nông nghiệp (nông nghiệp tái tạo và giảm phát thải từ đất)
 - Loại bỏ các bon lâu dài từ các hoạt động khai khoáng, biochar
 - Các quy mô quản lý bảo vệ rừng và trồng cây quy mô nhỏ ở các diện tích phân mảnh nhỏ
- Sử dụng công nghệ để theo dõi (ví dụ: phân tích ảnh vệ tinh và công nghệ viễn thám, trí tuệ nhân tạo, phần mềm đổi mới)
- Hướng tới xây dựng cách đo đếm kết quả mới (ví dụ tấn- năm cho các dự án quản lý rừng)
- Xây dựng hệ thống theo dõi thương mại dựa vào công nghệ block chain (là một cơ sở dữ liệu tiên tiến cho phép chia sẻ thông tin minh bạch trong một mạng lưới kinh doanh).

2.3 Các lĩnh vực ngành nghề và loại hình dự án mà các tiêu chuẩn các bon hướng tới

Các tiêu chuẩn các bon hướng tới nhiều lĩnh vực và loại hình dự án (Bảng 5). Chính vì vậy, bên xây dựng dự án cần xác định rõ dự án của mình thuộc lĩnh vực nào để lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp. Trên lý thuyết, tiêu chuẩn các bon nào càng hoạt động trên nhiều lĩnh vực thì tiêu chuẩn các bon đó càng có hệ thống quản lý điều hành hiệu quả.

Bảng 5. Lĩnh vực hoạt động của các tiêu chuẩn các bon

Tiêu chuẩn các bon	Sử dụng đất, Thay đổi sử dụng đất và Lâm nghiệp	Bảo tồn & REDD+	Loại bỏ các bon dioxide	Giảm phát thải khí nhà kính công nghiệp và hiệu quả năng lượng	Thu giữ khí metan	Năng lượng tái tạo	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong nước
American Carbon Registry	x		x	x	x	x	x
Clean Development Mechanism	x		x	x	x	x	x
Climate Action Reserve (CAR)	x	x		x	x		
Plan Vivo	x	x					
Gold Standard	x		x	x	x	x	x
Verified Carbon Standard (VCS)	x	x	x	x	x	x	x
Forest Carbon Partnership Facility (FCPF)		x	x				
J-credits	x			x	x	x	
Woodland Carbon CO ₂ e	x						

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Sử dụng đất, Thay đổi sử dụng đất và Lâm nghiệp	Bảo tồn & REDD+	Loại bỏ các bon dioxide	Giảm phát thải khí nhà kính công nghiệp và hiệu quả năng lượng	Thu giữ khí metan	Năng lượng tái tạo	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong nước
CSA GROUP	x	x	x	x	x	x	x
Emissions Reduction Fund	x	x	x	x	x		
MOORE FUTURES	x						
CITY Forest Credits	x						
PEATLAND CODE	x						
CERCABONO-Certify Carbon Standard	x	x		x	x	x	x
Global Carbon Council				x	x	x	x
Label Bas Carbone	x			x			x
BioCarbon Registry	x	x		x	x	x	
ART-TREE		x					
Inclusive Carbon Standard	x			x	x	x	x
OxCarbon	x						x
US Carbon Offset	x						
British Columbia	x	x			x		
Social Carbon	x	x					
Article 6.4			x	x	x	x	x
REDD+		x					
CredibleCarbon	x				x	x	x
Nature Capital Credits (Nfs)		x					
Asia Carbon Institute	x	x	x	x	x	x	x
PEATLAND PROTOCOL	x						
Wilder Carbon	x						
UCR				x	x	x	x
Regenagri	x						
HEMP - carbon standard	x						
NCX	x						
Nori			x				

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 5. Tiếp trang trước

Tiêu chuẩn các bon	Sử dụng đất, Thay đổi sử dụng đất và Lâm nghiệp	Bảo tồn & REDD+	Loại bỏ các bon dioxide	Giảm phát thải khí nhà kính công nghiệp và hiệu quả năng lượng	Thu giữ khí metan	Năng lượng tái tạo	Sử dụng năng lượng hiệu quả trong nước
Puro earth			x				
ICR	x		x	x	x	x	x
Rize	x						
Carbon Path				x	x		
Riverse			x	x	x		
Covalent			x				
Isometric			x				
Ecosystem Restoration Standard	x						
Axon	x						
Artisan C-sink			x				
EBC			x				
Carbon Clear			x		x	x	x
TỔNG	33 (24.1%)	14 (10.2%)	18 (13.1%)	19 (13.9%)	21 (15.3%)	16 (11.7%)	16 (11.7%)

Nguồn: Hamerkop 2023.

Bảng 5 cho thấy các tiêu chuẩn các bon hiện nay chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sử dụng đất và lâm nghiệp. Điều này cho thấy lĩnh vực sử dụng đất và lâm nghiệp là vấn đề đang được thị trường các bon tự nguyện rất quan tâm. Các tiêu chuẩn các bon càng vận hành lâu năm thì số lượng dự án đăng kí càng nhiều. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng:

- Một số tiêu chuẩn các bon tập trung tại một vùng địa lí như American Standard lại phát triển chậm hơn rất nhiều so với các tiêu chuẩn mới hơn như Global Carbon Council
- Một số tiêu chuẩn ở một vùng địa lí cụ thể đã phát triển vượt bậc chỉ trong một thời gian ngắn như Label Bas Carbone ở Pháp đã phát triển lên đến 575 dự án từ năm 2018
- Một số tiêu chuẩn sử dụng công nghệ cũng đã được nhân rộng và phát triển với tốc độ thần kì như Universal Carbon Standard
- Một số tiêu chuẩn các bon tuy đã tồn tại lâu nhưng chưa thực sự giao dịch rộng rãi trên thị trường như Plan Vivo, City Forest Credits, CredibleCarbon, NFS.

3 Giấy chứng nhận bổ sung ban hành bởi các tiêu chuẩn các bon để minh chứng cho chất lượng của các tín chỉ các bon

Bên cạnh các tiêu chuẩn các bon, các doanh nghiệp có thể đăng kí và mua thêm các chứng chỉ/giấy xác nhận về chất lượng tín chỉ các bon mà họ xin cấp chứng chỉ.

Ví dụ như tiêu chuẩn Verra có tạo thêm một tiêu chuẩn nhấn mạnh về Biến đổi khí hậu, cộng đồng và đa dạng sinh học (CCB) để đảm bảo rằng các dự án trồng mới và tái trồng rừng hoặc các dự án quản lí sử dụng đất đáp ứng đủ các tác động về biến đổi khí hậu, hỗ trợ cộng đồng và các lợi ích đa dạng sinh học, và các mục tiêu phát triển (SGD) của Liên Hợp Quốc.

Các doanh nghiệp có thể đăng kí các tiêu chuẩn các bon và các tiêu chuẩn bổ sung. Tuy nhiên việc đăng kí cả tiêu chuẩn các bon cơ bản và tiêu chuẩn các bon giá trị gia tăng cũng sẽ làm tăng chi phí mà các doanh nghiệp phải bỏ ra để xin cấp chứng chỉ cho nhiều loại chứng chỉ.

Điều đáng lưu ý là các bên trung gian buôn bán các bon thu mua tín chỉ các bon, ví dụ như Acorn của Rabobank khi mua bán các tín chỉ cũng yêu cầu thêm nhiều yêu cầu khác bổ sung bao gồm giai đoạn thực hiện dự án, giá tối thiểu, hoặc đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), điều này cũng sẽ khiến các chi phí thực hiện dự án bị ảnh hưởng.

4 Tiêu chí lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp

Để có quyết định về việc chọn tiêu chuẩn các bon và phương pháp các bon nào sao cho phù hợp, các bên cần cân nhắc nhiều tiêu chí khác nhau (Bảng 6).

4.1 Các yếu tố cần cân nhắc khi lựa chọn tiêu chuẩn và phương pháp theo dõi các bon

Bảng 6. Các yếu tố cần cân nhắc khi xem xét để lựa chọn tiêu chuẩn các bon và phương pháp các bon phù hợp

Các yếu tố cần cân nhắc khi lựa chọn tiêu chuẩn và phương pháp theo dõi các bon	Miêu tả chi tiết
Vị trí địa lý: Tiêu chuẩn các bon nào đang được chấp nhận và sử dụng rộng rãi tại thị trường và quốc gia mà dự án đang hướng tới?	Mỗi doanh nghiệp khi đầu tư vào dự án các bon đều hướng tới một thị trường tại một quốc gia hay một vùng địa lý cụ thể. Việc xem xét tiêu chuẩn nào được chấp nhận tại khu vực nào rất quan trọng để dự án đi đúng hướng. Nếu tiêu chuẩn dự án này đã từng làm và hỗ trợ cấp chứng chỉ địa bàn mà dự án đang định tiến hành và nhiều nơi thành công khác, đây là minh chứng cho việc họ là đối tác đáng tin cậy.
Lịch sử hoạt động: Tiêu chuẩn đó có kinh nghiệm chuyên sâu về lĩnh vực hay loại hình dự án nào?	Trước khi lựa chọn tiêu chuẩn các bon, bên phát triển dự án cần kiểm tra xem tiêu chuẩn này có kinh nghiệm về lĩnh vực mà dự án đang định đăng kí hay không và xem xét các loại hình dự án mà tiêu chuẩn này đã thành công hỗ trợ.
Thời gian để đăng kí dự án: Quá trình đăng kí tiêu chuẩn đó mất bao lâu?	Thời gian để đăng kí của mỗi tiêu chuẩn các bon rất khác nhau và thời gian đăng kí càng lâu, chi phí phải bỏ ra và chi phí cơ hội mà doanh nghiệp phải đánh đổi càng cao. Chính vì vậy cần có sự cân nhắc kĩ lưỡng về các yêu cầu của mỗi tiêu chuẩn các bon và thời gian mà dự án có thể chấp nhận để lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp.
Chi phí để tạo ra tín chỉ: Để đăng kí tiêu chuẩn đó, dự án phải chi trả các chi phí nào?	Các chi phí để tạo ra tín chỉ bao gồm nhiều phí khác nhau: chi phí một lần, chi phí trả trước, chi phí đăng kí, thẩm định và cấp tín chỉ (xem thêm Bảng 7, Bảng 10 để có thêm thông tin chi tiết hơn).
Khả năng truy hồi và tính hợp pháp của ngày bắt đầu dự án: Liệu các tiêu chuẩn các bon có cho phép dự án được sử dụng các tín chỉ trước khi dự án được phê duyệt hay chỉ được tính từ ngày dự án thông qua?	Khả năng truy hồi là khả năng một dự án có thể sử dụng tín chỉ các bon trước khi dự án đó được phê duyệt bởi một tiêu chuẩn nào đó. Việc có thể tính tín chỉ càng sớm sẽ giúp số lượng tín chỉ các bon mà dự án có thể tạo ra tăng lên.
Đánh giá trung lập của các bên thứ 3: Tiêu chuẩn đó được các chuyên gia đánh giá như thế nào?	Hiện nay đang có nhiều bên thứ 3 (Sylvera, BeZero, and Calyx Global) đánh giá chất lượng của các dự án đăng kí trong các hệ thống ban hành tín chỉ các bon khác nhau. Các đánh giá của các bên trung gian thứ ba này có ảnh hưởng rất lớn đến các quyết định của các người mua và các dự án cần phát triển.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya 2024.

4.2 So sánh giữa các tiêu chuẩn các bon về số lượng phát hành ở Việt Nam, thời gian tiến hành đăng kí, chi phí đăng kí và khả năng truy hồi sử dụng các bon trước khi dự án bắt đầu

Bảng 7 đưa ra một số các thông tin về số lượng dự án đã phát hành ở Việt Nam, như thời gian và chi phí đăng kí của các dự án và khả năng truy hồi các tín chỉ các bon trước khi dự án tiến hành để các bên phát triển dự án và doanh nghiệp có thể sử dụng để cân nhắc lựa chọn các tiêu chuẩn các bon phù hợp.

Bảng 7. So sánh giữa các tiêu chuẩn các bon về số lượng phát hành, thời gian và chi phí để đăng kí cũng như khả năng truy hồi tín chỉ các bon.

Các tiêu chuẩn	% lượng phát hành VCM ở Việt Nam (so với tổng TG)	Các loại dự án chính ở Việt Nam	Thời gian để tiến hành đăng kí	Chi phí để cấp và đăng kí tín chỉ	Khả năng truy hồi sử dụng tín chỉ các bon trước khi thực hiện dự án*
VERRA - Tiêu chuẩn các bon đã được xác minh (VCS)	1.37% (57 dự án ở Việt Nam/ 4,162 dự án trên Thế giới)	Có ba loại dự án chính của VERRA ở Việt Nam bao gồm <ul style="list-style-type: none"> • 26 dự án về Năng lượng với các dự án về Thủy điện, Điện mặt trời, Nhiệt năng, chất thải thành năng lượng,.. • 28 dự án về Nhu cầu năng lượng như Bếp nấu, Lọc nước,.. • 3 dự án Xử lý nước thải với việc sử dụng than sinh học, chuyển đổi chất thải thành năng lượng,.. 	6-12 tháng	Chi phí niêm yết: \$4K Chi phí phát hành: \$0.20 / tín chỉ	Cho phép
Gold Standard - Tiêu chuẩn vàng (GS)	2.48% (72 dự án ở Việt Nam/ 2,900 dự án trên Thế giới)	Có 3 loại dự án chính của Tiêu chuẩn vàng ở Việt Nam bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • 56 dự án về Năng lượng để khuyến khích người dân sử dụng hiệu quả năng lượng, chuyển đổi sang năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, thủy điện, năng lượng gió,.. • 8 dự án về Xử lý chất thải như Ủ phân, Thu hồi khí mê-tan trong nước thải,.. • 2 dự án về quy trình phân hủy khí mê-tan trong nông nghiệp, 5 dự án về cộng đồng, 1 dự án về xe điện 	12-18 tháng	Chi phí niêm yết: \$4-8K Chi phí phát hành: \$0.15-0.30 / tín chỉ	Cho phép
Plan Vivo	3.57% (1 dự án ở Việt Nam/ 31 dự án trên Thế giới)	Hiện nay chỉ có 1 dự án đăng kí Plan Vivo tại Việt Nam là Dự án REDD+ xã Hiếu Đây cũng là <u>dự án REDD+ đầu tiên tại Việt Nam</u> , bảo vệ diện tích rừng trong cộng đồng dân tộc thiểu số M'nam tại Kon Tum. Các hoạt động của dự án bao gồm đảm bảo quyền sở hữu đất đai cho cộng đồng, cải thiện chiến lược quản lý và quy hoạch sử dụng đất, tăng cường cơ chế quản lý rừng và thực thi pháp luật, đồng thời tạo điều kiện phát triển các cải thiện sinh kế bền vững.	3-6 tháng	Chi phí niêm yết: \$6K Chi phí phát hành: \$0.35-0.40 / tín chỉ	Tất cả
CDM - Cơ chế phát triển sạch	0.57% (46 dự án ở Việt Nam/ 7,839 dự án trên Thế giới)	Đa số các dự án thuộc tiêu chuẩn các bon này tại Việt Nam là các dự án năng lượng về thủy điện với 28 dự án Một dự án thuộc lĩnh vực cộng đồng, mang điện cho người dân.	2 tháng	Chi phí niêm yết: \$0.1-0.2/ tín chỉ Chi phí phát hành: \$4.0/ mtCO _{2e}	Không cho phép

Nguồn: Verra 2021, Plan Vivo 2022b, Silvia F 2022, Standards Map App 2022, Atmos Climate 2024, Berkeley Public Policy 2024, Gold Standard 2024a, UNFCCC 2024.

Lưu ý là các chi phí của các tiêu chuẩn các bon được cập nhật thường xuyên nên các bên phát triển dự án cần phải theo dõi và cập nhật các số liệu kịp thời.

Bảng 7 cho thấy thấy các dự án đã đăng kí thành công tại Việt Nam của các tiêu chuẩn này chủ yếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng và công nghệ. Số lượng các dạng dự án trong lĩnh vực nông lâm nghiệp không có nhiều. Theo thống kê, trong các tiêu chuẩn được liệt kê ở Bảng 7, các dự án dựa trên các giải pháp thiên nhiên chiếm 40.68% số dự án của VERRA, chiếm 5.34% dự án của Gold Standard, và 2.58% dự án của CDM (Berkey Public Policy 2024, UNFCCC 2024). Trong khi đó, 31/31 dự án của Plan Vivo đều tập trung vào môi trường, nông lâm nghiệp, góp phần hỗ trợ người nông dân tạo sinh kế từ rừng (Plan Vivo 2022b).

Bảng 8 cũng đưa ra một số các phân tích về điểm mạnh và điểm yếu của một số tiêu chuẩn các bon phổ biến để các bên có liên quan có thể xem xét và cân nhắc thêm trong quá trình lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp.

Bảng 8. So sánh về điểm mạnh và điểm yếu của một số tiêu chuẩn các bon

Tên tiêu chuẩn các bon	Tổ chức quản lý	Năm thành lập	Mục đích/Mục tiêu	Ưu điểm	Nhược điểm
VERRA - Tiêu chuẩn các bon đã được xác minh	VERRA	2007	Thúc đẩy các hoạt động tài chính hướng tới hoạt động giảm phát thải, cải thiện sinh kế và bảo vệ thiên nhiên.	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng rộng rãi (chiếm gần 70% thị trường các bon tự nguyện hiện nay) Khả năng thích ứng với các phát triển khoa học, công nghệ và quy định mới: được hỗ trợ bởi các bên liên quan trong ngành thương mại các bon và các nhà phát triển dự án, người mua bù trừ lớn, người xác minh và cố vấn dự án. Đa dạng trong nhiều loại hình dự án 	Cuộc điều tra của ProPublica đã kiểm tra một số dự án Verra ở Campuchia để tránh nạn phá rừng và phát hiện ra rằng chỉ có 46% diện tích đất thực sự vẫn còn rừng.
Gold Standard - Tiêu chuẩn Vàng (GS)	World Wide Fund for Nature (WWF), South North, and Helio International	2003	Hướng tới các dự án về tài chính khí hậu, chứng minh rằng các cơ chế thị trường có thể giúp giảm phát thải, đồng thời, thay đổi cuộc sống của một số cộng đồng nghèo nhất thế giới thông qua các kết quả phát triển bền vững hữu hình.	<ul style="list-style-type: none"> Chiếm khoảng 20% thị trường Thù tục tham gia và quy định giám sát chi tiết, chặt chẽ, minh bạch. Có sự tham gia của các chuyên gia kỹ thuật độc lập, tổ chức phi chính phủ cũng như các kiểm toán viên quốc tế được công nhận Cam kết phát triển bền vững với các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường cho cộng đồng địa phương: Có sự đo lường, báo cáo, và xác minh các chỉ số phát triển bền vững và lợi ích cộng đồng Đa dạng trong nhiều loại hình dự án 	Chi phí cao vì tiêu chuẩn đòi hỏi minh chứng và sự tham gia của các bên có liên quan

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8. Tiếp trang trước

Tên tiêu chuẩn các bon	Tổ chức quản lý	Năm thành lập	Mục đích/Mục tiêu	Ưu điểm	Nhược điểm
PlanVivo	<u>The Plan Vivo Foundation</u>	1994	Giảm nghèo bằng cách cung cấp sinh kế bền vững cho các cộng đồng có môi trường bị suy thoái. Khôi phục và bảo vệ môi trường để giúp bảo vệ cộng đồng khỏi biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học và mang lại nhiều lợi ích phát triển bền vững. Xây dựng năng lực địa phương thông qua việc chuyển giao kiến thức, kỹ năng và nguồn lực cho các nước đang phát triển	Kinh nghiệm phong phú và sâu rộng trong các dự án phục hồi và bảo vệ rừng cho hộ nông hộ nhỏ Cam kết dài hạn về quản lý đất đai và công bằng xã hội: Tính năng chính của Plan Vivo là hỗ trợ tín dụng x-ante, cho phép các dự án phát hành tín dụng các bon dựa trên việc cô lập các bon trong tương lai. Tính năng này rất cần thiết cho các dự án có cam kết dài hạn về phục hồi rừng hoặc thay đổi mục đích sử dụng đất, cung cấp nguồn tài trợ giai đoạn đầu cho quá trình phát triển dự án.	
CDM - Cơ chế phát triển sạch	UNFCCC	2004	Hỗ trợ các Bên không thuộc Phụ lục I đạt được sự phát triển bền vững và đóng góp vào mục tiêu cuối cùng của công ước và (2) hỗ trợ các Bên Phụ lục I đạt được mục tiêu của họ.	Đáp ứng mục tiêu kép: Giúp các nước phát triển thực hiện cam kết giảm phát thải và hỗ trợ các nước đang phát triển đạt phát triển bền vững. Các dự án thường là các dự án chuyển giao, phổ biến công nghệ để cải thiện sinh kế trong cộng đồng địa phương Quy trình minh bạch Mức giá thấp, ổn định trên thị trường chung	Thủ tục phức tạp, thường xuyên sửa đổi cách tiếp cận gây tốn nhiều thời gian khiến quá trình triển khai gặp nhiều trở ngại Tài chính gặp nhiều khó khăn do sự chênh lệch chi phí trong chuyển giao công nghệ
American Carbon Registry (ACR)	Environmental Resources Trust (ERT)	1996	Định hình sự phát triển và tăng trưởng của thị trường các bon toàn vẹn cao; vận hành một hệ thống đăng ký trực tuyến minh bạch để ghi lại việc phát hành, chuyển nhượng và hủy bỏ các tín chỉ các bon được tuần tự hóa; giám sát việc đăng ký và xác minh độc lập các dự án giảm phát thải và loại bỏ khí nhà kính	Chứng chỉ các bon lâu đời nhất ở Bắc Mỹ với nhiều lĩnh vực bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thu giữ khí metan và các bon xanh. Tập trung vào các dự án với các phương pháp cô lập các bon sáng tạo	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 8. Tiếp trang trước

Tên tiêu chuẩn các bon	Tổ chức quản lý	Năm thành lập	Mục đích/Mục tiêu	Ưu điểm	Nhược điểm
Climate Action Reserve (CAR)	California Climate Action Registry (CCAR)	2001	Phát triển, thúc đẩy và hỗ trợ các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu sáng tạo, đáng tin cậy dựa trên thị trường, mang lại lợi ích cho nền kinh tế, hệ sinh thái và xã hội.	<p>Các giao thức lâm nghiệp được thiết kế để phù hợp với bối cảnh cụ thể: Các giao thức này thực thi các biện pháp bảo vệ xã hội và môi trường mạnh mẽ mà các nhà phát triển dự án phải tuân thủ, để tối đa hóa lợi ích chung và cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái cho chủ đất và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tập trung vào các dự án bù trừ chất lượng cao dựa trên các phương pháp đảm bảo đường cơ sở tĩnh và giảm nguy cơ tín dụng quá mức</p> <p>Hỗ trợ lợi ích chung về môi trường và cộng đồng, và làm giảm ô nhiễm không khí tại địa phương, phục hồi môi trường sống và hệ sinh thái, và thúc đẩy tăng trưởng trong các công nghệ xanh mới.</p>	
Puro.earth	Puro.earth	2019	Chương trình tín dụng đầu tiên tập trung vào việc loại bỏ các bon bền vững	<p>Tập trung vào các dự án loại bỏ các bon với trọng tâm là cô lập lâu dài thông qua các dự án dựa trên công nghệ. Nó bao gồm các dự án loại bỏ và lưu trữ các bon vĩnh viễn hoặc trong thời gian dài, như biochar, thu giữ không khí trực tiếp (DAC) và lưu trữ các bon trong vật liệu xây dựng.</p>	
The Label bas-carbone (LBC)	Ministry for Ecological Transition off French	2019	Khuyến khích các dự án giảm các bon tại địa phương nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững, đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất.	<p>Khả năng định giá các khoản tín dụng tốt so với mức trung bình quốc tế</p> <p>Được Liên minh Giảm thiểu và Bù trừ Các bon Quốc tế (ICROA) xác nhận.</p>	

Nguồn: CAR 2009, Gold Standard 2011, Michaelowa 2012, Song 2019, Jennifer 2022, Plan Vivo 2022a, ACR 2023, TraceX 2023, ClimateSeed 2024, Puro 2024, Verra 2024.

5 Lựa chọn phương pháp phù hợp

Sau khi lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp, việc quan trọng tiếp theo là chọn phương pháp phù hợp nhất với dự án. Một tiêu chuẩn các bon có thể cấp tín chỉ các bon thông qua nhiều phương pháp khác nhau (Bảng 9). Việc xác định và lựa chọn phương pháp phù hợp mang tính quyết định cho sự thành công của một dự án các bon.

Bảng 9. Các phương pháp được cấp phép thực hiện bởi tiêu chuẩn các bon VERRA, Gold Standard và Plan Vivo

Loại hình dự án	Tiêu chuẩn các bon			
	VERRA	Gold Standard	Plan Vivo	CDM
REDD+	<ul style="list-style-type: none"> Verified Carbon Standard (VCS) Module VMD0055 Estimation of Emission Reductions from Avoiding Unplanned Deforestation/ (Phiên bản 1.1. Tiêu chuẩn VSC về ước tính lượng phát thải từ việc phòng tránh phát thải từ phá rừng không có kế hoạch) VCS Methodology VM0048 Reducing Emissions from Deforestation and Forest Degradation, v1.0./Phiên bản 1.0 của Phương pháp VM0048 ước tính phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng 	Không áp dụng trong lĩnh vực này	<ul style="list-style-type: none"> PT002 Estimation of Climate benefits from REDD in community-managed forests (PT002 ước tính về lợi ích khí hậu từ REDD+ ở các khu vực rừng cộng đồng quản lý) PU004 Estimation of GHG emissions from leakage in Plan Vivo projects (PT002 ước tính về phát thải khí nhà kính từ việc rò rỉ trong các dự án của Plan Vivo) PU003 Estimation of baseline and project GHG emissions from emission sources in Plan Vivo projects (PT003 về ước tính và xây dựng đường cơ bản và dự báo về phát thải khí nhà kính từ các nguồn phát thải trong các dự án của Plan Vivo) PU005 Estimation of uncertainty of carbon benefit estimates in Plan Vivo projects (PU005 Ước tính sự không chắc chắn của ước tính lợi ích các bon trong các dự án Plan Vivo) PU002 Estimation of baseline and project GHG emissions from carbon pools in Plan Vivo projects (PU002 Ước tính lượng khí thải khí nhà kính cơ sở và dự án từ các bể chứa các bon trong các dự án Plan Vivo) 	Không áp dụng trong lĩnh vực này

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 9. Tiếp trang trước

Loại hình dự án	Tiêu chuẩn các bon			
	VERRA	Gold Standard	Plan Vivo	CDM
Trồng mới rừng, tái trồng rừng và phủ xanh đất trống (ARR)	<u>VM0047 Afforestation, Reforestation, and Revegetation, v1.0¹</u> (VM0047 về trồng mới rừng, tái trồng rừng và phủ xanh đất phiên bản 1) <u>VMD0054 Module for Estimating Leakage from ARR Activities, v1.0</u> (VMD0054 ước tính rò rỉ từ các hoạt động trồng mới, tái trồng rừng phiên bản 1)			
Quản lý đất nông nghiệp (ALM)	<u>VM0042 Improved Agricultural Land Management, v2.1</u> (VM0042 về quản lý cải thiện đất nông nghiệp, phiên bản 2.1)			
Cải thiện quản lý rừng (IFM)	<u>VM0045 Methodology for Improved Forest Management Using Dynamic Matched Baselines from National Forest Inventories, v1.1</u> (VM0045 về phương pháp cải thiện quản lý rừng sử dụng phương pháp kết hợp giữa xây dựng đường tham chiếu với hệ thống Điều tra quy hoạch rừng quốc gia phiên bản 1.1)			

Xem tiếp ở trang sau

¹ VM0047 thay thế các phương pháp của CDM như phương pháp AR-ACM0003 về Trồng mới và Tái trồng rừng của đất trù đất ngập nước và phương pháp AR-AMS0007 về các hoạt động về trồng mới và tái trồng rừng ngoài vùng đất ngập nước. Các dự án mới và các dự án đang đăng ký sử dụng phương pháp AR-ACM0003 và AR-AMS0007 sẽ được đưa vào danh sách vào ngày 28 tháng 12 năm 2023. Các dự án sử dụng phương pháp AR-ACM0003 và AR-AMS0007 phải hoàn thành thẩm định chậm nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2024 như đã thông báo vào tháng 5 năm 2023.

Bảng 9. Tiếp trang trước

Loại hình dự án	Tiêu chuẩn các bon			
	VERRA	Gold Standard	Plan Vivo	CDM
Phục hồi và bảo tồn các vùng đất ngập nước (WRC)	<u>VM0033 Methodology for Tidal Wetland and Seagrass Restoration v2.1</u> (VM0033 về phương pháp liên quan đến phục hồi cỏ biển và hệ thống bãi triều ở các vùng đất ngập nước phiên bản 2.1)			
Vùng và lồng ghép REDD+ (JNR)	<u>JNR</u>			
Nông nghiệp		<p>V1.0 <u>Suppressed Demand Small-scale Methodology for Low GHG Food Preservation</u> (Phương pháp bảo quản thực phẩm để ức chế phát thải khí nhà kính trong quy mô nhỏ phiên bản 1.0)</p> <p>V0.9.1 <u>Reducing Methane Emissions from Enteric Fermentation in Dairy Cows through Application of Feed Supplements</u> (Phương pháp giảm phát thải khí metan từ quá trình lên men đường ruột ở bò sữa thông qua việc bổ sung thức ăn phiên bản 1.0)</p> <p>V1.0 <u>Gold Standard Agriculture Smallholder Dairy Methodology</u> (V1.0 Tiêu chuẩn vàng Nông nghiệp Phương pháp chăn nuôi bò sữa của hộ nông dân nhỏ)</p>	<p>PM001 <u>Agriculture and Forestry Carbon Benefit Assessment Methodology V1.0</u> (PM001 về Phương pháp đánh giá lợi ích các bon nông nghiệp và lâm nghiệp V1.0)</p>	

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 9. Tiếp trang trước

Loại hình dự án	Tiêu chuẩn các bon			
	VERRA	Gold Standard	Plan Vivo	CDM
Năng lượng		<p>V1.0 <u>Suppressed demand methodology micro-scale electrification and energization</u> (V1.0 Phương pháp nhu cầu bị kìm hãm điện khí hóa và cung cấp năng lượng ở quy mô nhỏ)</p> <p>V1.0 <u>Suppressed Demand Small-scale Methodology for Energy Use for the Processing of Agricultural Products</u> (V1.0 Phương pháp quy mô nhỏ để sử dụng năng lượng trong quá trình chế biến các sản phẩm nông nghiệp)</p>		<p><u>ACM0002: Grid-connected electricity generation from renewable sources --- Version 22.0</u> (ACM0002: Sản xuất điện lưới từ các nguồn tái tạo --- Phiên bản 22.0)</p> <p><u>AMS-I.D.: Grid connected renewable electricity generation --- Version 18.0</u> (AMS-I.D.: Sản xuất điện tái tạo kết nối lưới điện --- Phiên bản 18.0)</p> <p><u>AMS-I.C.: Thermal energy production with or without electricity --- Version 22.0</u> (AMS-I.C.: Sản xuất năng lượng nhiệt có hoặc không có điện --- Phiên bản 22.0)</p> <p><u>AMS-II.J.: Demand-side activities for efficient lighting technologies --- Version 8.0</u> (AMS-II.J.: Các hoạt động về phía cầu cho công nghệ chiếu sáng hiệu quả --- Phiên bản 8.0)</p>

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 9. Tiếp trang trước

Loại hình dự án	Tiêu chuẩn các bon			
	VERRA	Gold Standard	Plan Vivo	CDM
Thu giữ khí			PU001 <u>Estimation of baseline and project GHG removals by carbon pools in Plan Vivo projects</u> (PU001 Ước tính lượng khí nhà kính cơ sở và dự án loại bỏ bằng các nhóm các bon trong các dự án Plan Vivo)	<u>AMS-III.H.: Methane recovery in wastewater treatment --- Version 19.0</u> (AMS-III.H.: Thu hồi khí mêtan trong xử lý nước thải --- Phiên bản 19.0) <u>AMS-III.E.: Avoidance of methane production from decay of biomass through controlled combustion, gasification or mechanical/thermal treatment --- Version 17.0</u> (AMS-III.E.: Tránh sản xuất mêtan từ quá trình phân hủy sinh khối thông qua quá trình đốt cháy có kiểm soát, khí hóa hoặc xử lý cơ học/nhiệt --- Phiên bản 17.0)

Nguồn: VERRA 2022, United Nations 2022, Plan Vivo 2024, Gold Standard 2024b.

Lưu ý: các phương pháp trong bảng này cập nhật tới tháng 10/2024 nhưng có thể sẽ được cập nhật nên người sử dụng cần cập nhật thường xuyên với các website của các tiêu chuẩn các bon.

Mỗi tiêu chuẩn các bon có các quy định riêng về các phương pháp mà họ sử dụng để cấp chứng chỉ các bon. Các quy định bao gồm:

- Các tiêu chuẩn các bon có thể có các phương pháp do họ tự xây dựng
- Chấp nhận các phương pháp đã được sử dụng bởi các bên khác (ví dụ VCS chấp nhận sử dụng các phương pháp trước đây đã được Cơ chế phát triển sạch - CDM sử dụng)

Khi đánh giá tính phù hợp của các phương pháp, các doanh nghiệp cần kiểm tra xem các phương pháp này có thể thực hiện và áp dụng được trong bối cảnh dự án và địa bàn hoạt động dự án hay không. Hay nói một cách khác, bối cảnh dự án, nguồn lực tài chính và năng lực kỹ thuật có đáp ứng được các yêu cầu mà phương pháp này đề ra không.

Hình 2 chỉ ra các tiêu chí và các bước mà doanh nghiệp hay dự án có thể cân nhắc khi lựa chọn các phương pháp các bon phù hợp nhất với dự án của mình.

Bước 1. Xác định đặc điểm dự án

Trước khi lựa chọn phương pháp các bon nào phù hợp, doanh nghiệp và bên phát triển dự án cần xác định tính chất của dự án bao gồm loại dự án muốn phát triển (v.d. REDD+, trồng mới và tái trồng rừng, cải thiện rừng bền vững); vị trí thực hiện dự án và khả năng ngân sách sẵn có hoặc có thể huy động. Các yếu tố này rất quan trọng để lựa chọn các phương pháp các bon phù hợp về mặt kỹ thuật và khả năng tài chính mà bên dự án có thể chi trả.

Bước 2. Lập danh mục các phương pháp liên quan mà dự án có thể áp dụng

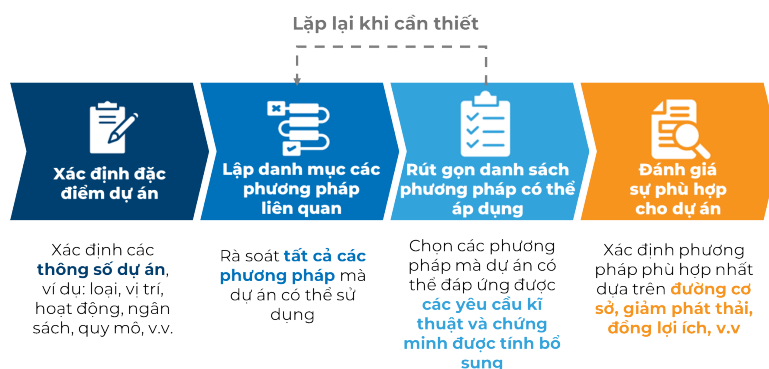
Sau khi xác định được loại hình dự án các bon mà bên thực hiện dự án và doanh nghiệp muốn phát triển, cần rà soát tất cả các tiêu chuẩn các bon và các phương pháp trong mỗi tiêu chuẩn các bon đã thông qua để có thể từ đó xây dựng bảng biểu để so sánh các giải pháp.

Bước 3. Rút gọn danh sách tiềm năng

Dựa trên danh sách đầy đủ đã được xây dựng ở Bước 2, các doanh nghiệp và bên phát triển dự án cần xem xét đủ nguồn lực tài chính và năng lực kỹ thuật với loại hình tiêu chuẩn nào và định bán cho người mua nào theo chuẩn nào để rút gọn danh sách phương pháp được rà soát theo Bước 2.

Bước 4. Đánh giá tính phù hợp của dự án

Sau khi có được danh sách rút gọn Bước 3, cần xem xét kỹ hơn tới tiềm năng giảm phát thải (điều này liên quan đến nguồn thu – càng nhiều tín chỉ các bon có thể tạo ra theo một phương pháp nào cụ thể thì dự án càng có nhiều nguồn thu); cơ chế chia sẻ lợi ích (cơ chế chia sẻ lợi ích của một tiêu chuẩn các bon nào được cho là phù hợp với dự án để đảm bảo tất cả các bên đều có lợi và dự án thực sự tạo ra động lực tài chính đủ lớn cho các bên tham gia).



Hình 2. Quy trình xác định phương pháp phù hợp nhất

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên minh khu vực tư nhân Kenya, 2024.

6 Cân nhắc lựa chọn tiêu chuẩn các bon dựa trên chi phí đăng kí và cấp tín chỉ các bon

Quá trình đăng kí và cấp tín chỉ các bon khá tốn kém (Bảng 10). Khi xây dựng và phát triển các dự án các bon này các bên liên quan cần xem xét để hoặc có thể tự chủ đảm bảo nguồn lực tài chính hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các bên nhà đầu tư khác.

Bảng 10. Một số chi phí để đăng kí và cấp tín chỉ các bon

Chi phí	Miêu tả chi tiết
Giai đoạn 1: Quá trình hình thành ý tưởng dự án, tìm kiếm và đánh giá nhu cầu tài chính.	<p>Các chi phí của giai đoạn này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá tiền khả thi. Đánh giá tiền khả thi có thể tốn từ \$10,000 - \$30,000 tùy thuộc vào các hoạt động mà dự án cần thực hiện bao gồm các khảo sát và tham vấn với người dân địa phương, tính toán tiềm năng giảm phát thải và phòng tránh phát thải • Đánh giá tính khả thi của dự án để xây dựng văn kiện thiết kế dự án (PDD). Đánh giá nghiên cứu khả thi bao gồm đánh giá tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, chính sách, và về khả năng của tổ chức. Tùy thuộc vào sự phức tạp của dự án, chi phí nghiên cứu tính khả thi có thể tốn \$50,000 - \$150,000. Các dự án chỉ mang tính kỹ thuật thường có chi phí thấp hơn các dự án về lâm nghiệp vì các chi phí thực địa rất cao. • Xây dựng văn kiện dự án. Văn kiện dự án (PDD) là một tài liệu quan trọng để có thể đăng kí dự án. Để xây dựng PDD, sẽ cần tiến hành đánh giá cơ sở, và xây dựng bản thảo PDD. Chi phí xây dựng PDD thường tốn khoảng \$250,000 - \$500,000 cho dự án dựa án có liên quan dựa vào thiên nhiên và từ \$100,000 - \$200,000 cho các dự án kỹ thuật.
Giai đoạn 2: Phát triển dự án, theo dõi và đánh giá.	<p>Các chi phí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thẩm định dự án cho một bên thẩm định dự án thứ ba <ul style="list-style-type: none"> ◦ Để tiến hành quá trình thẩm định, các doanh nghiệp cần đăng kí một tài khoản và lên danh sách các dự án theo hệ thống đăng kí họ lựa chọn. ◦ Các chi phí này thường tốn vào khoảng \$1,000 - \$5,000 tùy vào hệ thống đăng kí, tiêu chuẩn các bon, và loại hình dự án. Tiêu chuẩn VCS thường áp dụng chung cùng một giá là \$2,000 với việc mở, duy trì và đăng kí dự án tiềm năng trong khi tiêu chuẩn Gold Standard thu các phí khác nhau giữa các loại hình dự án. Ví dụ, đối với các dự án sử dụng đất và lâm nghiệp, Gold Standards thu nhiều loại phí bao gồm: (i) \$4,500 cho việc đăng kí và đánh giá ban đầu cho các dự án thiên nhiên trong khi con số này chỉ khoảng \$1,900 cho các dự án kỹ thuật khác không dựa vào tài nguyên thiên nhiên. ◦ Sau đó, các cơ quan xác thực độc lập (VVB) sẽ thẩm định lại PDD và quá trình thực hiện kế hoạch. VVBs thông thường lấy phí khoảng từ \$40,000 - \$60,000 cho việc thẩm định cho các dự án tự nhiên, trong khi chi phí này khoảng \$20,000 - \$40,000 để thẩm định các dự án kỹ thuật. Các dự án thiên nhiên như các bon rừng thường cần nhiều thời gian và tốn kém hơn để thực hiện. ◦ Sau khi PDD được thẩm định, VVB thường sẽ đăng kí dự án bằng việc nộp PDD lên hệ thống đăng kí được lựa chọn của tiêu chuẩn các bon đã được chọn sẵn. Hệ thống đăng kí này sẽ rà soát và xem xét lại PDD và thu phí từ \$5,000- \$30,000 cho việc đăng kí dự án trên hệ thống ◦ Chi phí thu thập số liệu để theo dõi dự án

Xem tiếp ở trang sau

Bảng 10. Tiếp trang trước

Chi phí	Miêu tả chi tiết
Giai đoạn 2: Tiếp tục	<ul style="list-style-type: none">◦ Chi phí thực hiện dự án là chi phí lớn nhất trong quá trình thực hiện dự án. Dự án càng lớn và quy mô hoạt động càng nhiều thì chi phí thực hiện càng cao. Trong các nghiên cứu khả thi, cần phải xác định rõ các chi phí tối thiểu để thực hiện dự án bao gồm:<ul style="list-style-type: none">√ Chi phí phát triển và xây dựng dự án√ Chi trả cho các công nghệ hay các biện pháp kỹ thuật để giảm phát thải√ Chi phí quản lý và điều hành dự án√ Chi phí xây dựng và phát triển quan hệ đối tác với các bên có liên quan.√ Chi phí thực hiện dự án phụ thuộc rất nhiều vào quy mô và loại dự án và cần được ước tính trong quá trình nghiên cứu khả thi.◦ Chi phí theo dõi, giám sát và đánh giá:<ul style="list-style-type: none">√ Để có thể cấp và ban hành tín chỉ các bon, các hệ thống đăng ký yêu cầu VVB thẩm định và xác minh lượng giảm phát thải đã được báo cáo cũng như các thông tin đầu vào.√ Các doanh nghiệp cần theo dõi các số liệu này và xây dựng bản thảo báo cáo lượng phát thải cho mỗi chu kỳ cấp tín chỉ (ví dụ cho giai đoạn mà tín chỉ mới được kì vọng sẽ được ban hành). Để có được báo cáo này cần chi phí để thu thập số liệu qua thời gian và xây dựng bản thảo báo cáo.◦ Chi phí cho công việc này đối với các dự án thiên nhiên trong đó có các bon rừng thường cao hơn rất nhiều so với các dự án kỹ thuật khác bởi số liệu và các phân tích cho các dự án này đòi hỏi các phân tích và số liệu chi tiết và phức tạp hơn. Chính vì vậy mà các VVB thường yêu cầu phí thẩm định đối với dự án thiên nhiên cao hơn nhiều so với các dự án kỹ thuật thông thường khác.
Giai đoạn 3: Cấp chứng chỉ tín chỉ các bon và thương mại các bon	<p>Các chi phí giai đoạn này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Chi phí thẩm định và xác minh kết quả giảm phát thải được xác nhận bởi một bên thẩm định được cấp phép thứ ba. Chi phí này có thể lên tới \$100,000 - \$300,000 đối với dự án thiên nhiên (v.d. các bon rừng) và \$50,000 - \$150,000 cho các dự án kỹ thuật khác <u>cho mỗi chu kỳ cấp chứng chỉ và ban hành tín chỉ các bon.</u>• Chi phí ban hành tín chỉ bởi một hệ thống đăng ký tín chỉ.• Chi phí giao dịch khi các tín chỉ được bán hoặc chuyển nhượng. Trước khi các tín chỉ các bon được bán, việc cấp tín dụng các bon đã được xác minh sẽ phải chịu phí phát hành từ cơ quan đăng ký. Khoản thuế này có giá từ 0.002 USD đến 0.15 USD cho mỗi khoản tín dụng các bon, tùy thuộc vào cơ quan đăng ký, tiêu chuẩn và số lượng tín chỉ các bon được ban hành.

7 Mối liên hệ giữa các tiêu chuẩn các bon tự nguyện do các tổ chức phát triển và tiêu chuẩn các bon bắt buộc do Chính phủ xây dựng

Việc kết nối giữa tiêu chuẩn các bon nội địa/bắt buộc với các tiêu chuẩn trên thị trường các bon tự nguyện đem lại nhiều lợi ích cho các quốc gia (Streck và cộng sự 2021), bao gồm:

- Các cơ quan chính phủ có thể hợp tác với các tiêu chuẩn các bon để tận dụng chuyên môn của họ nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống theo dõi và giám sát phát thải của quốc gia
- Các cơ quan chính phủ cũng có thể xem xét và tận dụng các hoạt động trong thị trường các bon tự nguyện như một cơ chế hợp tác trong điều khoản 6.2 của Thỏa Thuận Paris
- Các chính phủ cũng có thể tạo ra nguồn thu từ việc cho phép vận hành thị trường các bon tự nguyện và sử dụng cơ chế này như một công cụ kêu gọi đầu tư
- Các chính phủ cũng có thể sử dụng các tiêu chuẩn các bon tự nguyện để thúc đẩy và tạo động lực kinh tế cho các doanh nghiệp thực hiện các chính sách biến đổi khí hậu hiệu quả hơn. Ví dụ, Chính phủ Mỹ cho phép các doanh nghiệp được sử dụng các tín chỉ các bon mua trong thị trường các bon tự nguyện để thực hiện cam kết giảm phát thải của mình.
- Chính phủ cũng có thể huy động nguồn tài chính từ thị trường các bon tự nguyện cho các lĩnh vực không buộc phải cam kết thực hiện trong Cam kết quốc gia tự nguyện (NDCs)

Ngay cả khi các chính phủ xây dựng các tiêu chuẩn các bon nội địa, việc xây dựng hệ thống quốc gia dựa trên các hệ thống trên thị trường tự nguyện sẵn có sẽ giúp giảm chi phí đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia vừa có thể bán được trong nước vừa có thể bán được ra nước ngoài.

8 Kết luận

Việc lựa chọn tiêu chuẩn các bon sao cho phù hợp với dự án cần được cân nhắc dựa trên mức độ phổ biến của tiêu chuẩn trên thị trường, tiêu chuẩn nào được chấp nhận ở thị trường nào, mục tiêu của dự án, năng lực tài chính và kỹ thuật của dự án, thời gian và chi phí để đăng kí dự án và khả năng truy hồi tín chỉ các bon. Thị trường các bon phát triển với tốc độ nhanh chóng nên các bên phát triển và thực hiện dự án cần phải cập nhật thường xuyên các thông tin về thị trường, các tiêu chuẩn các bon mới được xây dựng, đồng thời phải tìm ra các giải pháp giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận. Việc kết nối giữa các tiêu chuẩn thị trường các bon tự nguyện và thị trường các bon bắt buộc sẽ nâng cao hiệu quả và bền vững của cả hai thị trường, đồng thời đảm bảo kết quả giảm phát thải và phát triển kinh tế xã hội được nâng cao.

Tài liệu tham khảo

- [ACR] American Carbon Registry. 2023. About us. <https://acrcarbon.org/about-us/>
- Atmos Climate. 2024. Exploring global impact: Insights from Verra projects at Atmos Climate. LinkedIn. <https://www.linkedin.com/pulse/exploring-global-impact-insights-from-verra-projects-atmos-5bh9c/>.
- Berkeley Public Policy. 2024. Voluntary Registry Offsets Database. <https://gspp.berkeley.edu/research-and-impact/centers/cepp/projects/berkeley-carbon-trading-project/offsets-database>
- Climate Action Reserve. 2009. About us. <https://www.climateactionreserve.org/about-us/>
- ClimatePartner. 2023. Project standards. ClimatePartner. <https://www.climatepartner.com/en/project-standards>.
- ClimateSeed. 2024. The Role of the Standards in the Voluntary Carbon Market. <https://climateseed.com/blog/the-role-of-the-standards-in-the-vcvm>
- Gold Standard. 2011. The Gold Standard Foundation. https://ofenmacher.org/files/3114/2331/3341/All_About_The_Gold_Standard_2011.pdf
- Gold Standard. 2024a. Gold Standard Annual Report 2023. <https://www.goldstandard.org/publications/gold-standard-annual-report-2023>
- Gold Standard. 2024b. Methodology Status Update. <https://globalgoals.goldstandard.org/ru-2024-methodology-status-update/>
- Hamerkop. 2023. The ever-expanding world of carbon certification standards. Hamerkop. <https://hamerkop.co/blog/the-ever-expanding-world-of-carbon-certification-standards>.
- Jennifer L. 2022. The 4 Best Carbon Offset Programs for 2022. Carbon Credits. <https://carboncredits.com/the-4-best-carbon-offset-programs-for-2022/>
- Kollmuss A, Zink H, Polycarp C. 2008. Agricultural waste collection for CDM bio-mass project Malavalli, India. A Comparison of Carbon Offset Standards. https://www.globalcarbonproject.org/global/pdf/WWF_2008_A%20comparison%20of%20C%20offset%20Standards.pdf
- Michaelowa A. 2012. Strengths and weaknesses of the CDM in comparison with new and emerging market mechanisms. https://www.cdmpolicydialogue.org/research/1030_strengths.pdf
- World Bank Group and Kenya Private Sector Alliance. 2024. *A Carbon Market Guidebook for Kenyan Enterprises*. World Bank, Washington, DC. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099040424053541073/pdf/P1796801e6f92d053187b01916665fc998d.pdf>
- Plan Vivo. 2022a. About PV Climate. <https://www.planvivo.org/pv-climate-about>
- Plan Vivo. 2022b. PV climate - projects. <https://www.planvivo.org/Pages/Category/projects?Take=31#startcontent>
- Plan Vivo. 2024. Methodologies. <https://www.planvivo.org/pv-climate-methodologies>
- PuroEarth. 2024. About us. <https://puro.earth/about>
- Silvia F. 2022. Offer price of 2013+ CDM certified renewable credits above \$4.00/mtCO₂e. S&P Global. <https://www.spglobal.com/commodityinsights/en/market-insights/latest-news/energy-transition/020322-offer-price-of-2013-cdm-certified-renewable-credits-above-400mtco2e#:~:text=The%20offer%20price%20of%20carbon,%2D60%20cents%2FmtCO2e%20range>.
- Song L. 2019. An (Even More) Inconvenient Truth: Why Carbon Credits For Forest Preservation May Be Worse Than Nothing. ProPublica. <https://features.propublica.org/brazil-carbon-offsets/inconvenient-truth-carbon-credits-dont-work-deforestation-redd-acre-cambodia/>
- Standards Map App. 2022. Standard profile for Verified Carbon Standard - VCS. <https://standardsmap.org/en/factsheet/67/overview>
- Streck C, Dyck M, Trouwloon D. 2021. Chapter 7: What is the role of carbon standards in the voluntary carbon market? In: *The Voluntary Carbon Market Explained*. Climate and Land Use Alliance.

- [TraceX] Sustainability and Compliance Platform for Food and Agri supply chains. 2023. Voluntary Carbon Market: Navigating with standards. Blockchain for Food Safety, Traceability and Supplychain Transparency. <https://tracex.tech.com/voluntary-carbon-market-navigating-with-standards/>.
- [UCR] Universal Carbon Registry. 2023. UCR in TOP 10 global VCM standards, leads in rapid innovation and scale. Medium. <https://medium.com/@UniversalCarbonRegistry/ucr-in-top-10-global-vcm-standards-leads-in-rapid-innovation-and-scale-0204719b1772>.
- [UNFCCC] United Nations Framework Convention on Climate Change. 2023. CDM: CDM insights - intelligence about the CDM at the end of each month. Unfccc.int. <https://cdm.unfccc.int/sunsetcms/Statistics/Public/CDMinsights/index.html#reg>
- [UNFCCC] United Nations Framework Convention on Climate Change. 2024. CDM: Register a project activity. Unfccc.int. <https://cdm.unfccc.int/Projects/projsearch.html>
- [UNFCCC] United Nations Framework Convention on Climate Change. 2011. CDM: CDM Benefits. Cdm.unfccc.int. https://cdm.unfccc.int/about/dev_ben/index.html
- United Nations. 2022. CDM Methodology Booklet. https://cdm.unfccc.int/methodologies/documentation/meth_booklet.pdf#ACM0002=&page=52.10
- VERRA. 2021. Verified Carbon Standard. <https://registry.verra.org/app/search/VCS/All%20Projects>
- VERRA. 2022. Methodologies. <https://verra.org/methodologies-main/>
- VERRA. 2024. Verified Carbon Standard. Verra. <https://verra.org/programs/verified-carbon-standard/>

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009321

Các báo cáo kỹ thuật của CIFOR-ICRAF bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cận được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Việc lựa chọn tiêu chuẩn và phương pháp các bon nào có tính quyết định cho sự thành công của một dự án các bon. Hiện nay có ít nhất là 30 tiêu chuẩn các bon đang được sử dụng trên thị trường. Điều này dẫn đến những khó khăn cho cả bên phát triển dự án và các bên có liên quan trong việc lựa chọn tiêu chuẩn các bon phù hợp nhất với dự án và có thể giúp dự án đạt được giá bán cao.

Báo cáo này được xây dựng để giúp các bên có liên quan có các thông tin cập nhật về các tiêu chuẩn các bon hiện có, phân tích các điểm mạnh và điểm yếu của mỗi phương pháp và đưa ra các khung phân tích so sánh để lựa chọn các tiêu chuẩn các bon phù hợp với mục tiêu phát triển dự án, năng lực kỹ thuật và tài chính của các bên. Báo cáo được dựa trên kết quả rà soát tài liệu thứ cấp và dựa trên kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực thị trường các bon.

UBS Optimus
Foundation



Global Affairs
Canada

Affaires mondiales
Canada



INITIATIVE ON
Low-Emission
Food Systems

cifor-icraf.org

forestsnews.cifor.org

CIFOR-ICRAF

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc Tế và Tổ Chức Nghiên cứu Nông Lâm Quốc Tế (CIFOR-ICRAF) hướng tới giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay bao gồm biến đổi khí hậu, suy thoái và mất đa dạng sinh học, bất bình đẳng cũng như đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. CIFOR-ICRAF là tổ chức nghiên cứu CGIAR.

